



Kinh nghiệm quốc tế và các đề xuất sửa đổi khung pháp lý về định giá rừng tại Việt Nam

Vũ Tấn Phương
Phạm Thu Thủy
Lê Ngọc Dũng
Đào Thị Linh Chi



RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Kinh nghiệm quốc tế và các đề xuất sửa đổi khung pháp lý về định giá rừng tại Việt Nam

Vũ Tấn Phương

Viện Khoa Học Lâm Nghiệp Việt Nam

Phạm Thu Thủy

CIFOR

Lê Ngọc Dũng

CIFOR

Đào Thị Linh Chi

CIFOR

Báo cáo chuyên đề 168

© 2017 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp phép bởi giấy phép Tài sản sáng tạo công cộng quốc tế 4.0 (CC BY 4.0), <http://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>

ISBN 978-602-387-052-3

DOI: 10.17528/cifor/006404

Phương VT, Phạm TT, Lê ND và Đào TLC. 2017. *Kinh nghiệm quốc tế và các đề xuất sửa đổi khung pháp lý về định giá rừng tại Việt Nam*. Báo cáo chuyên đề 168. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Ảnh chụp bởi Manuel Boissiere/CIFOR.

CIFOR
Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia

T +62 (251) 8622-622
F +62 (251) 8622-100
E cifor@cgiar.org

cifor.org

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

Mục lục

Các từ viết tắt	v
Lời cảm ơn	vii
Tóm tắt	viii
1 Giới thiệu	1
2 Phương pháp	3
3 Kết quả	5
3.1 Bài học kinh nghiệm quốc tế	5
3.2 Định giá rừng ở Việt Nam	16
4 Các khuyến nghị chính sách và các tác động tiềm năng	32
4.1 Các khuyến nghị chính sách	32
4.2 Đề xuất cải thiện thực hiện định giá rừng hiện nay	32
4.3 Tác động tiềm năng của sửa đổi chính sách định giá rừng	33
4.4 Lồng ghép DVMT vào quản lý rừng quốc gia	34
5 Kết luận	35
Tài liệu tham khảo	36
Phụ lục	39

Danh mục hình, bảng và hộp

Hình

1	Khung đánh giá tổng giá trị kinh tế của rừng	7
2	Khó khăn của địa phương trong thực hiện định giá rừng	25
3	Nhu cầu định giá rừng cho các mục đích kinh doanh và quản lý rừng	25
4	Ý kiến về các giá trị của rừng trong định giá rừng	26

Bảng

1	Số lượng người tham vấn ở Thái Nguyên và Thanh Hóa	3
2	Các ưu tiên và phương pháp định giá DVMT	15
3	Các văn bản pháp luật liên quan đến định giá rừng	20
4	Một số văn bản địa phương liên quan đến giá rừng	23
5	Đánh giá của các bên liên quan về triển khai định giá rừng	27

Hộp

1	Ví dụ từ châu Âu	10
2	Châu Âu- Nghị quyết H1 “Những hướng dẫn chung cho quản lý rừng bền vững ở châu Âu”	11
3	Biên bản ghi chép của Nhà Trắng về DVMT tháng 10 năm 2015 được ký bởi Tổng thống	13
4	Sự công nhận dịch vụ môi trường rừng trong luật pháp quốc gia/khu vực. Sự tham khảo cơ chế PES trong luật pháp quốc gia – trường hợp nghiên cứu tại châu Âu	14
5	Đầu giá (trích dẫn trực tiếp từ tài liệu và hướng dẫn của ICRAF)	16

Các từ viết tắt

BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
BTNN	Bảo tồn thiên nhiên
BĐKH	Biến đổi khí hậu
CO ₂ e	Khí các bon níc tương đương
CO ₂	Khí các bon níc
CDM	Cơ chế phát triển sạch
CIFOR	Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế
CVM	Phương pháp lượng giá ngẫu nhiên
CTLN	Công ty lâm nghiệp
DLST	Du lịch sinh thái
DVMT	Dịch vụ môi trường
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐGR	Định giá rừng
FAO	Tổ chức Nông lương Liên Hiệp Quốc
FRA	Đánh giá tài nguyên rừng
GIZ	Tổ chức Hợp tác phát triển Đức
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
ICRAF	Tổ chức Nông Lâm Thế giới
KNK	Khí nhà kính
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
PES	Chi trả dịch vụ môi trường
PRA	Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn
NORAD	Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy
TCM	Chi phí du lịch
UNFCCC	Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu
USD	Đô la Mỹ

UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn Quốc Gia
WTP	Sẵn lòng chi trả
WTA	Sẵn lòng chấp nhận

Lời cảm ơn

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Tổ chức nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) từ dự án “Tư nghiên cứu biến đổi khí hậu tới hành động trong bối cảnh quản trị đa cấp: Xây dựng kiến thức và năng lực trên cấp độ cảnh quan” do Bộ Môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, Xây dựng và an toàn hạt nhân (BMUB), Cơ quan hợp tác và Phát triển Na Uy (Norad), Ủy ban Châu Âu (EU), Chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây và nông lâm kết hợp (CRP-FTA). Báo cáo này được hoàn thành với sự hỗ trợ của rất nhiều người đã tham gia và đóng góp cho báo cáo.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và các đóng góp của của các nhà quản lý, các chuyên gia, các nhà khoa học và các tổ chức trong quá trình hội thảo tham vấn. Cảm ơn sự hỗ trợ của bà Vũ Thị Hiền - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng cao và bà Lương Thị Trường - Trung tâm Vì sự phát triển bền vững miền núi trong quá trình thực hiện tham vấn tại các tỉnh Thái Nguyên và Thanh Hóa. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn ông Rachmat Mulia (ICRAF) và bà Grace Wong (CIFOR) cũng đã đóng góp những ý kiến quý báu cho báo cáo này.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới ông Phạm Hồng Lương, bà Vũ Lê Lương, ông Trần Ngọc Bình và bà Nguyễn Thị Hạnh về sự giúp đỡ hiệu quả

trong quá trình thu thập số liệu, khảo sát tại thực địa và tham vấn với các bên liên quan.

Xin cảm ơn sự hợp tác của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thanh Hóa, Vườn Quốc gia Ba Vì và Vườn quốc gia Bến En, Thanh Hóa về các giúp đỡ và phối hợp trong quá trình khảo sát và tham vấn tại thực địa.

Chúng tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi cục lâm nghiệp, chi cục kiểm lâm các tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang, Bến Tre, Cà Mau, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Gia Lai, Đắk Nông, Đắk Lắk, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh; các vườn quốc gia Xuân Thủy, Xuân Sơn, Tam Đảo, Cúc Phương, Bến En, Cát Tiên, Bạch Mã, Côn Đảo, Phong Nha – Kẻ Bàng, Vũ Quang, Kon Ka Kinh, Chư Ya Sin và Yok Đôn; các KBTTN và KDTTN, gồm Nam Ka, Easô, KBTTN Văn hóa Đồng Nai, Mường Nhé, Ngọc Linh và Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già về sự hỗ trợ quý báu trong quá trình thu thập thông tin về hiện trạng định giá rừng tại địa phương.

Tóm tắt

Báo cáo này được xây dựng nhằm tổng hợp các bài học kinh nghiệm quốc tế về chính sách định giá rừng, đánh giá hiện trạng thực hiện xác định giá rừng theo quy định tại Luật BV&PTR 2004 và đề xuất các sửa đổi trong dự thảo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng sẽ được trình vào năm 2017. Báo cáo được xây dựng dựa trên số liệu thu thập được từ: (1) nghiên cứu và phân tích các tài liệu và văn bản pháp luật liên quan đến định giá rừng của thế giới cũng như tại Việt Nam; (2) phiếu điều tra với 27 tỉnh, 13 VQG và 6 khu BTNN trên cả nước; (3) phỏng vấn sâu với 90 cán bộ đến từ các bên liên quan gồm cơ quan quản lý, các vườn quốc gia, khu bảo tồn, ủy ban nhân dân huyện, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các công ty tư nhân thuê rừng kinh doanh du lịch sinh thái (3 ở cấp trung ương; 48 ở cấp tỉnh, 34 ở cấp huyện; 5 ở cấp xã và 3 ở cấp thôn). Có hơn 24 văn bản pháp luật liên quan được rà soát và phân tích, đồng thời có 46 phiếu hỏi được các tỉnh, VQG và KBTTN phản hồi. Dưới đây trình bày các phát hiện chính về kinh nghiệm quốc tế, kết quả phân tích các văn bản pháp luật về xác định giá rừng, thực trạng định giá rừng và các đề xuất sửa đổi Luật BV&PTR liên quan đến định giá rừng

Kinh nghiệm quốc tế trong việc lồng ghép định giá rừng vào chính sách

- Định giá dịch vụ môi trường rừng giúp cho các nhà hoạch định chính sách tối ưu hóa việc đầu tư rừng, tối ưu dịch vụ từ rừng và giá trị dịch vụ môi trường của hệ sinh thái rừng, điều chỉnh tài khoản nguồn tài nguyên rừng trong tài khoản quốc gia.
- Lồng ghép định giá dịch vụ môi trường rừng trong chính sách lâm nghiệp cần dựa trên 4 nguyên tắc chính: (i) Các dịch vụ môi trường cần được đánh giá thông qua góc nhìn đa mục đích và xem xét cả giá trị từ gỗ và ngoài gỗ và nhìn từ bối cảnh sự đóng góp của rừng và các ngành lâm nghiệp để tăng trưởng xanh (ii) định giá dịch vụ môi trường rừng cần phải được gắn vào các

chính sách lâm nghiệp để khuyến khích việc sử dụng rừng đa mục đích và các chủ rừng cần được khuyến khích hoặc thậm chí đền bù để cung cấp và đảm bảo việc sử dụng rừng đa mục đích; (iii) định giá dịch vụ môi trường cần được dựa trên cả phương pháp tính toán khoa học và tham vấn cộng đồng về vai trò và tác động của dịch vụ môi trường đến việc sử dụng đất hiện tại và tương lai cũng như sinh kế địa phương (iv) việc xem xét sự hài hòa giữa các dịch vụ môi trường khác nhau quan trọng hơn đánh giá kinh tế của từng dịch vụ đơn lẻ.

- Định giá dịch vụ môi trường rừng trong chính sách lâm nghiệp cần dựa trên 4 nguyên tắc chính: (i) Các dịch vụ môi trường cần được đánh giá thông qua góc nhìn đa mục đích và với cả giá trị từ gỗ và ngoài gỗ và trong bối cảnh sự đóng góp của rừng và các ngành lâm nghiệp để tăng trưởng xanh (ii) định giá dịch vụ môi trường rừng cần phải được gắn vào các chính sách lâm nghiệp để khuyến khích việc sử dụng rừng đa mục đích và các chủ rừng cần được khuyến khích hoặc thậm chí đền bù để cung cấp và đảm bảo việc sử dụng rừng đa mục đích; (iii) định giá dịch vụ môi trường cần được dựa trên cả phương pháp tính toán khoa học và tham vấn cộng đồng về vai trò và tác động của dịch vụ môi trường đến việc sử dụng đất hiện tại và tương lai cũng như sinh kế địa phương (iv) việc xem xét sự hài hòa giữa các dịch vụ môi trường khác nhau quan trọng hơn đánh giá kinh tế của từng dịch vụ đơn lẻ.

Thực trạng thực hiện định giá rừng ở Việt Nam:

- Luật BV&PTR 2004 lần đầu tiên đưa ra các khái niệm về giá rừng, giá trị quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng và giá rừng (Điều 1). Tuy nhiên, khái niệm về giá rừng dựa trên giá trị quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng là khái niệm hẹp và chỉ bao gồm các lợi ích trực tiếp từ việc sử dụng lâm sản theo quy định hiện hành. Khái niệm này chưa tiếp cận theo quan điểm tổng